

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-PT

Ngày: 18-01-2022

V/v tranh chấp thừa kế nhà, đất; hợp
đồng vay tài sản và hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Thành Đạt, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2020/TLPT-
DS ngày 18 tháng 3 năm 2020, về việc “Tranh chấp thừa kế nhà, đất; hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019
của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2842/2021/QĐPT-DS
ngày 15 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Hồ T.H, sinh năm 1982

2. Ông Hồ H.T, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: 159, ấp Kh.H, xã T.K.Đ, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
(cùng có mặt).

- Bị đơn: Ông Hồ H.Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: 159, ấp Kh.H, xã T.K.Đ,
thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ T.T, sinh năm 1972; Địa chỉ: 216, ấp Kh.N, xã T.K.Đ, thành
phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn H.H, sinh năm 1975; Địa chỉ: 43 ĐTH, Khóm 2, Phường

2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn H.Th, sinh năm 1977

4. Ông Đặng T.H, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Ấp Kh.H, xã T.K.Đ, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông Đặng T.H: Bà Nguyễn H.Th (có căn cước nêu trên, theo văn bản ủy quyền ngày 16/8/2012, có mặt).

5. Bà Nguyễn H.Th1, sinh năm 1975

6. Ông Phan Thành C, sinh năm 1974

7. Bà Phan Nguyễn Thùy D, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: Ấp Kh.H, xã T.K.Đ, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Phan Thành C, Phan Nguyễn Thùy D: Bà Nguyễn H.Th1 (có căn cước nêu trên, theo văn bản ủy quyền các ngày 30/7/2012 và 13/11/2018, có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bà Nguyễn H.Th, Nguyễn Hồ Thủy: Bà Nguyễn Thị Kim Loan, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Kim Loan, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp, có mặt).

8. Ông Nguyễn Hồ P, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Kh.H, xã T.K.Đ, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp A.B, xã N.D, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

10. Bà Hồ Thị T, sinh năm 1950; Địa chỉ: Phường 10, Quận 11, thành phố Chí Minh (vắng mặt).

11. Hồ Ngọc T, sinh năm 1956; Địa chỉ: 02, ấp Đ.Q, xã T.K.Đ, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

12. Ông Hồ Hải L, sinh năm 1958; Địa chỉ: xã T.D, huyện L.V, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

13. Ông Hồ Lâm H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Cây xăng Lâm Hồ, chợ củ M.Đ, xã T.K.T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

14. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1965; Địa chỉ: 20, Horsham Way, Nollamara 6061, Australia (vắng mặt).

15. Ông Hồ Văn S, sinh năm 1967; Địa chỉ: 28/2, ấp Đ.K, xã T.K.Đ, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

16. Ông Hồ Sơn T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 2, A.T, xã A.H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

17. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Sa Đéc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Sơn; Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý rủi ro; Địa chỉ: 74, phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- Người kháng cáo:

Bà Nguyễn H.Th và bà Nguyễn H.Th1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Hồ T.H, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Hồ H.T trình bày:*

Chị T.H và anh H.T yêu cầu anh Hồ H.Đ chia thừa kế tài sản diện tích đất là 1.353m². Trong đó thửa 137, diện tích 800m² đất thổ và thửa 1546, diện tích 553m² đất vườn, cùng tờ bản đồ số 05, UBND thị xã Sa Đéc (nay là TP. Sa Đéc) cấp ngày 28/01/2004 cho anh Hồ H.Đ, tọa lạc ấp Kh.H, xã T.K.Đ, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp và quyền sở hữu nhà do bà Hồ T.L chết để lại.

Nguồn gốc đất do mẹ chị là bà Hồ T.L mua của Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Kim C1, Nguyễn Thị K vào ngày 26/10/1991. Bà T.L chết năm 1996, do anh Hồ H.Đ quản lý sử dụng và đứng tên trên quyền sử dụng đất. Nay chị và anh H.T yêu cầu anh Hồ H.Đ chia thừa kế tài sản là diện tích 1.353m² và quyền sở hữu nhà do bà Hồ T.L chết để lại làm 03 phần, Chị T.H, anh H.T, anh H.Đ mỗi người được hưởng 01 phần. Buộc hộ bà Nguyễn H.Th (gồm Đặng Thanh H, Nguyễn H.Th) và hộ bà Nguyễn H.Th1 (gồm: Phan Thành C, Phan Nguyễn Thùy D, Nguyễn H.Th1) di dời nhà, tài sản trả lại diện tích đất đang ở.

Đối với việc anh Hồ H.Đ vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H.Đ trả nợ, chị T.H không có ý kiến.

** Bị đơn anh Hồ H.Đ trình bày:*

Không thống nhất theo yêu cầu của chị T.H và anh H.T, anh đồng ý chia ½ diện tích là 1.353m² đất do bà Hồ T.L chết để lại. Phần trước chia cho 03 chị em gồm: Anh, chị T.H và anh H.T, ai không có đất ở thì về đó cất nhà ở, anh không đồng ý tách QSDĐ chia ra cho từng người. Phần phía sau để làm nhà mồ cho dòng họ. Trên phần đất phía trước anh yêu cầu hộ bà Nguyễn H.Th1 di dời tài sản có trên đất để trả lại diện tích đất cho anh, đối với hộ bà Nguyễn H.Th do mấy cậu xem xét.

Đối với phần nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc, anh không thống nhất trả vì phần nợ này do ông Nguyễn H.H, khi đó là Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc và ông cậu anh là Hồ T.T làm mọi thủ tục để vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền vay, ông H nhận 700.000.000 đồng, ông T nhận 300.000.000 đồng. Khi đó, ông H hứa sẽ trả cho

ông H.Đ lãi suất đối với số tiền đã nhận là 5%/tháng và đồng thời trả lãi cho Ngân hàng. Vì vậy, anh không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng mà anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải trả 700.000.000 đồng nợ vay gốc và lãi, ông T phải trả 300.000.000 đồng nợ vay gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ T.T trình bày:*

Do tài sản tranh chấp giữa chị T.H, anh H.T và anh H.Đ diện tích 1.353m² ông yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ diện tích phần từ khu nhà mồ trở về sau cho anh em ông vì đây là đất hương hỏa của mẹ ông là bà N.T.T còn sống có bỏ tiền ra mua để cho bà T.L đứng tên.

Về khoản tiền vay của Ngân hàng, ông và ông H là người trực tiếp vay và nhận tiền, nhưng hợp đồng vay và tài sản thế chấp là anh H.Đ và chị Trang đứng tên. Khi vay xong, ông có nhận số tiền 300.000.000 đồng, còn ông H nhận số tiền 700.000.000 đồng. Cho nên, ông chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng, còn ông H phải có trách nhiệm trả số tiền 700.000.000 đồng và khoản tiền lãi.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn H.Th trình bày:*

Hiện nay bà đang sử dụng diện tích ngang 09m, dài 10m trên phần đất của bà ngoại bà là N.T.T để lại phần đất này là đất hương hỏa. Đối với yêu cầu của chị T.H, anh H.T và anh H.Đ bà không đồng ý, bà yêu cầu được sử dụng diện tích đất nói trên, bà không đồng ý di dời các tài sản có trên đất tranh chấp.

Đối với việc ông Hồ H.Đ vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H.Đ trả nợ, bà không có ý kiến.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn H.Th1 trình bày:*

Hiện nay bà đang sử dụng diện tích đất ngang khoảng 05m, dài khoảng 25m. Nguồn gốc đất của ngoại bà tên N.T.T cho bà ở từ năm 2000. Bà không đồng ý theo yêu cầu của chị T.H và anh H.Đ và yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên.

Đối với việc ông Hồ H.Đ vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H.Đ trả nợ, bà không có ý kiến.

** Người quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn S trình bày:*

Phần đất từ trụ đá giữa đất trở về mé sông là đất hương hỏa của dòng họ để làm nhà mồ vì vậy ông yêu cầu anh H.Đ, chị T.H cắt ra $\frac{1}{2}$ chia lại cho các anh em ông để làm đất nhà mồ, hương hỏa phía sau. Còn phần phía trước là giao lại cho ba chị em anh H.Đ quản lý, sử dụng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh Sơn trình bày:*

Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc yêu cầu ông Hồ H.Đ và bà Nguyễn Kim T trả số tiền tính đến ngày 09/11/2018 tổng cộng là 1.889.593.923 đồng, trong đó vốn là 1.000.000.000đ và lãi là 889.593.923 đồng. Yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký trên đến khi giải quyết xong vụ án. Yêu cầu công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản số 0250.13/HĐTC ngày 11/07/2013, người thế chấp là Hồ H.Đ và Nguyễn Kim T, người nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc, tài sản thế chấp QSDĐ số Y 781186 ngày 28/01/2004, diện tích 1.353m², trong đó thửa 137, diện tích 800m² đất thổ và thửa 1546, diện tích 553m² đất vườn, cùng tờ bản đồ số 05, cấp ngày 28/01/2004 cho anh Hồ H.Đ, có hiệu lực từ ngày 11/7/2013.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã tuyên xử như sau:

Căn cứ Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 233, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 259, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 609, Điều 615, Điều 649, Điều 651 Bộ luật Dân sự; Điều 100 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí, lệ phí Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn đối với căn nhà trên diện tích đất tranh chấp mà hiện nay hộ anh Hồ H.Đ đang ở.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Buộc hộ anh Hồ H.Đ giao cho chị Hồ T.H phần đất trong phạm vi các mốc 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 trở về mốc 10, diện tích 350,9 m².

Buộc hộ anh Hồ H.Đ giao cho anh Hồ H.T phần đất trong phạm vi các mốc 3, 4, 5, 6, 7, 8, 23, 24, 25, 2 trở về mốc 3, diện tích 388,6 m².

Buộc hộ anh Hồ H.Đ giao cho ông Hồ Văn S (đại diện các con bà N.T.T) phần đất trong phạm vi các mốc 8, 9, 10, 19, 20, 21, 23 trở về mốc 8, diện tích 259,5 m².

Anh Hồ H.Đ được quản lý sử dụng phần đất trong phạm vi các mốc 1, 2, 25, 24, 23, 21, 22 trở về mốc 1 diện tích 599,2 m² và được quyền sở hữu căn nhà trên cùng diện tích đất trên.

Các phần đất trên thuộc thửa 137 và 1546 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp Kh.H, xã T.K.Đ, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp được UBND thị xã Sa Đéc (nay là TP. Sa Đéc) cấp Giấy chứng nhận QSDĐ ngày 28/01/2004 cho hộ anh Hồ H.Đ.

Diện tích đất được thể hiện tại Sơ đồ đo đạc ngày 17/5/2018 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp.

Buộc hộ anh Hồ H.Đ, hộ bà Nguyễn H.Th và hộ bà Nguyễn H.Th1 phải tháo dỡ, di dời toàn bộ nhà, vật kiến trúc, cây trồng ra khỏi diện tích đất nói trên để thực hiện giao đất cho chị Hồ T.H, anh Hồ H.T và đại diện các con bà N.T.T là ông Hồ Văn Sáng theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá và Sơ đồ đo đạc cùng ngày 17/5/2018).

Chị Hồ T.H, anh Hồ H.T và ông Hồ Văn S (đại diện các con bà N.T.T) có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai đối với phần diện tích đất được hưởng thừa kế như đã nêu trên theo quy định của pháp luật.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc. Hủy một phần hợp đồng thế chấp tài sản số 0250.13/HĐTC ngày 11/07/2013 thế chấp QSDĐ số Y 781186 ngày 28/01/2004, diện tích 1.353 m², trong đó thửa 137, diện tích 800 m² đất thổ và thửa 1546, diện tích 553 m² đất vườn, cùng tờ bản đồ số 05, cấp ngày 28/01/2004 cho hộ anh Hồ H.Đ.

Buộc anh Hồ H.Đ, chị Nguyễn Kim T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc tổng số tiền nợ vay gốc và lãi tính đến ngày 09/11/2018 là 1.889.593.923 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà anh H.Đ, chị Trang chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số N.A.0250.13/HĐTD ngày 11/7/2013 trên số tiền nợ gốc cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Trường hợp anh Hồ H.Đ, chị Nguyễn Kim T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc trong phạm vi và tài sản đã thế chấp thì Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là QSDĐ diện tích 599,2 m², trong phạm vi các mốc 1, 2, 25, 24, 23, 21, 22 trở về mốc 1 thuộc một phần thửa 137, 1546 tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp Kh.H, xã T.K.Đ, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp được UBND thị xã Sa Đéc (nay là TP. Sa Đéc) cấp ngày 28/01/2004 cho anh Hồ H.Đ.

4. Chấp nhận yêu cầu của anh Hồ H.Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn H.H và ông Hồ T.T trả số tiền vay gốc và lãi.

Buộc ông Hồ T.T trả cho anh Hồ H.Đ tổng số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 17/11/2018 là 582.753.000 đồng (trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng).

Buộc ông Nguyễn H.H trả cho anh Hồ H.Đ tổng số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 17/11/2018 là 1.292.500.000 đồng (trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về các chi phí tố tụng, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/12/2019, bà Nguyễn H.Th và bà Nguyễn H.Th1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hồ H.T và bà Hồ T.H là nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà Nguyễn H.Th1 và Nguyễn H.Th không thay đổi, bổ sung, giữ yêu cầu kháng cáo ban đầu. Bị đơn là ông Hồ H.Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận các đương sự và Luật sư trình bày như sau:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H.Th, bà H.Th1: Phần đất mà bà H.Th và bà H.Th1 đang ở có nguồn gốc của bà N.T.T (là bà ngoại của bà H.Th, bà H.Th1) được bà Hồ Thị L1 gửi tiền về mua nhưng bà Thảo để cho con gái là bà Hồ T.L đứng tên. Bà N.T.T cho bà H.Th, bà H.Th1 cất nhà ở lúc bà T.L còn sống. Khi 2 bà xây dựng nhà ở thì không có ai tranh chấp, ngăn cản. Ngoài phần đất đang ở, bà H.Th và bà H.Th1 không còn chỗ ở nào khác. Bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc tổng đạt Thông báo số 283 ngày 13/8/2019; không hướng dẫn, giải thích cho bà H.Th, bà H.Th1 biết quyền của mình trong việc yêu cầu độc lập. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận quyền sử dụng của bà H.Th và bà H.Th1 đối với phần đất mà 02 bà đang sử dụng.

Bà H.Th và bà H.Th1 không bổ sung gì thêm.

- Bà T.H và ông H.T trình bày: Hai ông bà cho rằng bà T.H, bà H.Th1 về cất nhà ở trên phần đất này vào năm 2010, ông bà không biết ai cho đất bà H.Th1, bà H.Th. Hai ông bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà H.Th1, bà H.Th và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về việc chấp hành pháp luật: Xét thấy, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

2. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà H.Th, bà H.Th1 nộp trong hạn luật định, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì phần đất tranh chấp do bà T.L mua của các cá nhân khác và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hợp pháp. Sau khi bà T.L chết, các con của bà T.L gồm các ông bà T.H, H.Đ, H.T có thỏa thuận giao cho ông H.Đ đứng tên. Bà H.Th, bà H.Th1 cho rằng phần đất mà hai bà đang sử dụng được bà Thảo cho

nhưng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, yêu cầu phản tố của ông H.Đ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, buộc bà H.Th và bà H.Th1 di dời vật kiến trúc trả lại đất là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H.Th, bà H.Th1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn H.Th, bà Nguyễn H.Th1 nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Ông Hồ H.Đ tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn. Các ông bà, Hồ T.T, Nguyễn H.H, Nguyễn Hồ P, Nguyễn Kim T, Hồ Thị T, Hồ Ngọc T, Hồ Hải L, Hồ Lâm H, Hồ Văn S, Hồ Sơn T và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Sa Đéc tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Toà án cấp phúc thẩm đã hai lần triệu tập hợp lệ các ông bà, đơn vị nêu trên, nhưng cả hai lần đều vắng mặt không thể hiện lý do. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này, theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

[3.1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Hồ Thị L1 (hiện đang định cư tại Australia) là con của bà N.T.T. Bà H.Th, bà T.H cho rằng phần đất tranh chấp là do bà L1 gửi tiền về cho bà N.T.T mua, nhưng để bà T.L đứng tên. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định bà Hồ Thị L1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án chỉ có bản photocopy Đơn tường trình của bà L1 (trong vụ tranh chấp giữa ông Huỳnh Tấn T và Nguyễn Thị O, Nguyễn Văn P), ngoài ra không thể hiện việc Toà án cấp sơ thẩm có triệu tập bà L1 tham gia hoà giải, xét xử. Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 209, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong tất cả bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải ngày 28/6/2019 (bút lục 525-526), biên bản phiên toà ngày 19/11/2019 (bút lục 634-635), biên bản phiên toà ngày 07/11/2019 (bút lục 586-587)...bà H.Th và bà H.Th1 yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất mà mỗi bà đã xây dựng nhà ở. Như vậy, ngay từ đầu bà H.Th và bà H.Th1 đã có yêu cầu độc lập. Toà án cấp sơ thẩm nhận định đã ban hành và tổng đạt cho bà H.Th1, bà H.Th Thông báo thụ lý bổ sung số 86/TB-TLVA ngày 24/5/2019 và Thông báo số 283/TB-TA, về yêu cầu độc lập, nhưng 02 bà vẫn không thực hiện quyền của mình. Tại phiên toà phúc thẩm, bà H.Th1 và bà H.Th xác định không nhận được các thông báo này. Xét thấy:

Thông báo số 283/TB-TA ngày 13/8/2019 (bút lục 404-405) có đối tượng được thông báo là bà H.Th1 và bà H.Th, có nội dung yêu cầu bà H.Th và bà H.Th1 xác định có hay không có yêu cầu độc lập và nếu có thì phải làm đơn khởi kiện theo quy định. Tại Phiếu báo phát (bút lục 402) thể hiện dấu bưu điện tỉnh Đồng Tháp ghi ngày **13/8/2019** nhưng dấu bưu điện thành phố Sa Đéc ghi ngày **16/8/2018**. Điều này thể hiện Thông báo số 283/TB-TA được tổng đạt cho bà H.Th, bà H.Th1 gần 01 năm trước ngày được ban hành. Mặt khác, quan sát bằng mắt thường cũng thấy chữ ký mang tên bà H.Th1 tại Phiếu báo phát (bút lục số 402) và tại Biên bản tổng đạt ngày 24/5/2019 (bút lục 395), cũng như chữ ký của bà H.Th1 trong các tài liệu khác là hoàn toàn khác nhau. Như vậy, có căn cứ để xác định Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không tổng đạt Thông báo số 283/TB-TA cho bà H.Th, bà H.Th1; không giải thích quyền lợi, nghĩa vụ một cách đầy đủ, chính xác để bà H.Th, bà H.Th1 thực hiện quyền của đương sự, vi phạm quy định tại Điều 170 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Về việc chia thừa kế:

Theo nguyên đơn trình bày thì phần đất tranh chấp do bà T.L mua của các ông bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Kim C, Nguyễn Thị K vào ngày 26/10/1991 và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 29/7/1994. Chồng bà T.L là ông Nguyễn Văn P chết năm 1986. Do đó, có căn cứ để xác định đây không phải là tài sản chung của ông Phước và bà T.L trong thời kỳ hôn nhân mà là tài sản riêng của bà T.L.

Tại Tờ khai hàng thừa kế được UBND xã T.K.Đ, thành phố Sa Đéc xác nhận ngày 05/9/2016 (bút lục số 15) thể hiện: Bà N.T.T (chết ngày 30/9/2008) và ông Hồ Văn T có 11 người con chung là các ông bà Hồ Thị T, Hồ T.L (chết năm 1996 - là mẹ của các ông bà T.H, H.T, H.Đ), Hồ Thị Đ (chết trước năm 1996 - là mẹ của bà H.Th, bà H.Th1), Hồ Ngọc T, Hồ Hải L, Hồ Lâm H, Hồ Thị P (chết năm 17-18 tuổi), Hồ Thị L1 (định cư tại Australia), Hồ Văn S, Hồ Sơn T và Hồ T.T. Xét thấy, tại thời điểm bà T.L chết (là thời điểm mở thừa kế) thì bà N.T.T còn sống. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của bà T.L gồm bà N.T.T và 03 người con là T.H, H.T, H.Đ. Sau khi bà T.L chết, các ông bà T.H, H.T, H.Đ tự kê khai thừa kế, tự thoả thuận để ông H.Đ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không kê khai bà N.T.T là không đúng pháp luật. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ phần đất tranh chấp là di sản của bà T.L là không đúng pháp luật, mà đúng ra là của bà N.T.T và 03 người con của bà T.L. Tương tự, khi bà N.T.T chết vào năm 2008 sẽ làm phát sinh quyền thừa kế của các người con của bà N.T.T.

[3.3] Bản án sơ thẩm chưa điều tra làm rõ lý do nào, ai cho phép bà H.Th, bà H.Th1 cất nhà ở trên đất tranh chấp; việc này các đương sự khác có biết và có phản đối không. Đồng thời, bản án sơ thẩm buộc bà H.Th, bà H.Th1 tháo dỡ nhà, giao trả đất cho các nguyên đơn, bị đơn nhưng chưa điều tra làm rõ, ngoài chỗ ở hiện tại, bà H.Th và bà H.Th1 còn chỗ ở nào khác không.

Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có nhiều thiếu sót trong việc điều tra, xác minh. Các vi phạm, thiếu sót này không thể khắc phục, bổ sung được tại cấp phúc thẩm. Do đó, kháng cáo của bà Nguyễn H.Th, bà Nguyễn H.Th1; đề nghị của bà Hồ T.H, ông Hồ H.T, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là không có căn cứ để chấp nhận. Cần huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà H.Th, bà H.Th1.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn H.Th và bà Nguyễn H.Th1.

[2] Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST, ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả cho bà Nguyễn H.Th và bà Nguyễn H.Th1 mỗi người 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo các phiếu thu số 739, 740 cùng ngày 06/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.